

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH
NGÀNH DU LỊCH – MÃ SỐ: 8810101**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 445/QĐ-NTT, ngày 01 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng trường Đại học Nguyễn Tất Thành*

I. THÔNG TIN CƠ BẢN/TUYỂN SINH

1. Tên chương trình đào tạo

Tên tiếng Anh: Tourism

Tên tiếng Việt: Du Lịch

2. Mã ngành: 8810101

3. Bậc trình độ trong khung trình độ quốc gia: Thạc sĩ – Bậc 7

4. Định hướng đào tạo: ☒ Nghiên cứu ☒ Ứng dụng

5. Niên khóa học bắt đầu áp dụng: từ khóa 2022

6. Tên trường cấp bằng tốt nghiệp: Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

7. Tên khoa quản lý chương trình: Khoa Du lịch và Việt Nam học

8. Website của chương trình/khoa

Website tiếng Việt: <https://dlvnh.ntt.edu.vn>

Website tiếng Anh:

9. Tên bằng cấp

Thạc sĩ: Thạc sĩ Du lịch

10. Vị trí việc làm của học viên tốt nghiệp

- Cán bộ tại các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch từ trung ương đến địa phương;
- Nhà quản lý, điều hành ở các công ty du lịch, lữ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống...
- Các vị trí công việc khác trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ.
- Nghiên cứu viên tại các cơ sở nghiên cứu có liên quan đến du lịch;
- Giảng viên các chương trình đại học, cao đẳng, trung học, nghề ngắn hạn, tập huấn nghiệp vụ cho các cơ sở du lịch...

11. Các năng lực cốt lõi của học viên tốt nghiệp

Định hướng Ứng dụng

GA1: Quản lý du lịch (vĩ mô)

GA2: Quản trị chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch

GA3: Quản trị doanh nghiệp du lịch

GA4: Quản trị nhân sự

GA5: Marketing

GA6: Truyền thông du lịch

GA7: Chuyển đổi số trong du lịch (Digitalisation)

GA8: Năng lực cá nhân của nhà quản lý du lịch

GA9: Phẩm chất của nhà quản lý du lịch

Định hướng Nghiên cứu

GA1: Năng lực kiến thức

GA2: Năng lực nghiên cứu khoa học

GA3: Năng lực tư duy và vận dụng phương pháp và phương pháp luận

GA4: Năng lực cá nhân của nhà nghiên cứu du lịch

GA5: Phẩm chất của nhà quản lý du lịch

12. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển/Thi tuyển

Có 2 phương thức: thi tuyển và xét tuyển đối với người nước ngoài

13. Phương thức đào tạo

- Số tín chỉ: 60 tín chỉ
- Độ dài chương trình: 24 tháng
- Loại hình đào tạo: Chính quy
- Các thời điểm tiếp nhận học viên: tháng 6 và 12

14. Ngôn ngữ dạy và học: Tiếng Việt

15. Đảm bảo chất lượng

Các bên liên quan của chương trình: Nhà tuyển dụng, chuyên gia, hiệp hội nghề nghiệp, cựu người học, nhà trường, giảng viên, và người học.

Cơ chế lấy ý kiến phản hồi: Viện Sau đại học, Khoa thu thập ý kiến của các bên liên quan hằng năm. Dữ liệu khảo sát được phân tích, xử lý để đưa ra hướng cải tiến phù hợp. Các quy trình được thực hiện theo chu trình PDCA.

Mục tiêu chất lượng: Hằng năm, khoa đề xuất các mục tiêu chất lượng và được chuyển tải vào quá trình đào tạo của chương trình.

Kiểm định quốc gia: Nhà trường được Bộ Giáo dục và Đào tạo kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục năm 2016;

Kiểm định quốc tế: Đạt QS 4 sao năm 2019

16. Lãnh đạo chương trình và cán bộ hỗ trợ tuyển sinh

- Trưởng chương trình: Nguyễn Phước Hiền
- Chuyên viên phụ trách tư vấn tuyển sinh: Hán Dương Hải Đăng

II. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ CHƯƠNG TRÌNH

17. Bối cảnh của chương trình

Chương trình đào tạo ngành Du lịch phù hợp với mục tiêu của giáo dục đại học quy định tại Điều 5 của Luật Giáo dục Đại học là “Đào tạo trình độ thạc sĩ để học viên có kiến thức khoa học nền tảng, có kỹ năng chuyên sâu cho nghiên cứu về một lĩnh vực khoa học hoặc hoạt động nghề nghiệp hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành được đào tạo”.

Thực hiện quy trình xây dựng chương trình đào tạo, Khoa đã lên kế hoạch, khảo sát nhu cầu thị trường lao động, tổ chức hội thảo DACUM thu thập ý kiến đóng góp của các bên liên quan để phân tích năng lực nghề Thạc sĩ du lịch gắn kết với nhu cầu xã hội. Khoa Du lịch và Việt Nam học đã xây dựng được một mạng lưới với hơn 100 doanh nghiệp là các mối liên kết với các Khách sạn, Nhà hàng và các Công ty lữ hành, Doanh nghiệp trong ngành vận chuyển và dịch vụ du lịch. Ngoài ra, để xây dựng và cải tiến chương trình đào tạo phù hợp với thời đại, với thị trường, Hội đồng Khoa học Khoa tham khảo và đối sánh với 02 trường đại học trong nước và 02 trường đại học quốc tế, cùng đối sánh với khung năng lực quốc gia.

Trải qua hơn 3 năm đào tạo, đến nay chương trình đào tạo ngành Du lịch bậc Thạc sĩ của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành đã có 3 khóa học tốt nghiệp. Học viên tham gia học cao học ngành Du lịch rất đa dạng về nghề nghiệp như giám đốc các doanh nghiệp, nhà quản lý đến từ các công ty du lịch, hướng dẫn viên nội địa và quốc tế (inbound, outbound)... Đặc biệt, chương trình đã đào tạo các học viên là giảng viên đến từ các trường trung cấp, cao đẳng, đại học góp phần vào công tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch chất lượng cao cho Thành phố Hồ Chí Minh nói riêng và khu vực phía Nam nói chung. Song song với hoạt động đào tạo, Khoa cũng chú trọng đến các hoạt động hỗ trợ cho các học viên nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học và hội nhập quốc tế, Khoa thường xuyên tổ chức các workshop, đặc biệt là hội thảo cấp Trường nhằm tạo môi trường thuận lợi trong việc công bố đề tài luận văn của học viên cao học.

18. Mục tiêu giáo dục của chương trình (PEOs)

Sau khi tốt nghiệp, người tốt nghiệp có thể:

- **PEO 1:** Quản lý hay nghiên cứu ngành du lịch theo định hướng phát triển bền vững và hội nhập quốc tế.

- **PEO 2:** Phối hợp làm việc với các thành viên khác trong tổ chức một cách hiệu quả trong vai trò người lãnh đạo, xây dựng và phát triển quan hệ với các bên liên quan một cách phù hợp trong môi trường đa ngành, đa văn hóa, luôn thể hiện tư duy phản biện, tự tin và tiên phong trong đổi mới, sáng tạo.

- **PEO 3:** Thể hiện tinh thần trách nhiệm trong bảo vệ môi trường và các di sản văn hóa, luôn hướng đến việc nâng cao chất lượng sống cho cộng đồng và học tập suốt đời để đóng góp tích cực cho sự phát triển của ngành du lịch.

19. Đối sánh quốc gia, quốc tế

Đối sánh chuẩn đầu ra với các chương trình: Thạc sĩ Du lịch Trường ĐH KHXH&NV ĐHQGNH; Thạc sĩ Du lịch Trường ĐH KHXH&NV TP.HCM; Thạc sĩ Du lịch Trường ĐH Du lịch Huế - Đại học Huế; Master of Tourism and Events của Flinders University (Úc), Master of Arts in Tourism Management, Royal Roads University (Canada), MSc Tourism Management của Bournemouth University (Anh).

Đối sánh chương trình khung với các chương trình: Thạc sĩ Du lịch Trường ĐH KHXH&NV ĐHQGNH; Thạc sĩ Du lịch Trường ĐH KHXH&NV TP.HCM; Thạc sĩ Du lịch Trường ĐH Du lịch Huế - Đại học Huế; Master of Tourism, University of Otago (New Zealand); Master of Tourism Management, Colorado State University (Hoa Kỳ)

Chuẩn quốc tế: Mô hình chuẩn năng lực Châu Á - Thái Bình Dương về du lịch của Tổ chức Lao động Quốc tế (Liên Hợp Quốc) (Regional Model Competency Standard: Tourism Industry by Regional Skills and Employability Programme in Asia and the Pacific, International Labour Organization, United Nations).

20. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLOs)

Kiến thức

PLO 1: Vận dụng kiến thức về văn hóa, xã hội, pháp luật, chính trị, bảo vệ môi trường và phát triển bền vững vào việc quản lý và phát triển ngành du lịch theo đúng các định hướng chiến lược về phát triển du lịch của Việt Nam và hội nhập quốc tế.

PLO 2: Áp dụng các kiến thức về khoa học du lịch, khoa học quản lý và kinh doanh vào ngành du lịch bao gồm quản lý nhà nước về du lịch, bảo tồn và phát huy các giá trị

văn hoá phục vụ phát triển du lịch, tổ chức quản lý và kinh doanh lữ hành, khách sạn và các lĩnh vực kinh doanh khác trong du lịch.

PLO 3: Quản lý các dự án về quy hoạch và phát triển du lịch, phát triển nguồn nhân lực du lịch, truyền thông du lịch,...

PLO 4: Áp dụng nền tảng kiến thức ngành du lịch, phương pháp luận của khoa học du lịch và các phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn nói chung (liên ngành) và phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch nói riêng trong quá trình nghiên cứu các vấn đề về du lịch, lữ hành, khách sạn.

Kỹ năng

PLO 5: Thực hiện thành thạo các kỹ năng quản lý và triển khai các hoạt động kinh doanh du lịch, lữ hành, lưu trú và các dịch vụ liên quan tại các điểm đến du lịch, quản lý rủi ro, đáp ứng với sự thay đổi một cách linh hoạt và sáng tạo.

PLO 6: Sử dụng thành thạo CNTT, triển khai một cách hiệu quả chuyển đổi số trong ngành du lịch.

PLO 7: Vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo một cách hiệu quả trong quản lý, nghiên cứu khoa học và giảng dạy.

PLO 8: Giao tiếp hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và liên ngành, thực hiện thành thạo các kỹ năng giảng dạy và huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn, sử dụng ngoại ngữ chuyên ngành để phục vụ công việc một cách hiệu quả.

Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO 9: Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp, thể hiện tinh thần trách nhiệm đối với việc nâng cao chất lượng cuộc sống cho cộng đồng và các phẩm chất cá nhân phù hợp với yêu cầu của ngành du lịch (quan tâm, trung thực, nghiêm túc, tôn trọng người khác và tự trọng cá nhân).

PLO 10: Thể hiện tinh thần cầu thị và thói quen học tập suốt đời, nghiên cứu những vấn đề mới của ngành du lịch và luôn hướng đến sự đổi mới và sáng tạo trong công việc.

- Đối sánh Chuẩn đầu ra với khung trình độ quốc gia

PLOs	Luật giáo dục	Khung trình độ quốc gia
PLO 1	L1	K2
PLO 2	L1, L4	K1
PLO 3	L1, L4	K3
PLO 4	L1, L2	K1

PLO 5	L4	A4, S3
PLO 6	L4	S4
PLO 7	L3	S1, A1
PLO 8	L3, L4	S2, S5
PLO 9	L3	A3
PLO 10	L2	A1, A2, A4

21. Điều kiện tốt nghiệp

Kết thúc khoá học, những học viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

- Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;
- Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.
- Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website của cơ sở đào tạo theo quy định
- Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

22. Cơ hội học tập lên cao, nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn

- Cơ hội học tập lên bậc cao hơn:
- Cơ hội nghiên cứu, ứng dụng thực tiễn:

III. DẠY VÀ HỌC CHƯƠNG TRÌNH

23. Triết lý giáo dục

23.1. Triết lý giáo dục của nhà trường

Nhà trường theo quan điểm lấy người học làm trung tâm, từ đó nêu ra triết lý giáo dục của trường là “Thực học - Thực hành - Thực danh - Thực nghiệp”.

- A: Thực học: Người học hình thành năng lực thông qua môi trường học thuật được tạo lập và gắn kết với doanh nghiệp trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, phục vụ cộng đồng.
- B: Thực hành: Người học được ứng dụng kiến thức và phát triển kỹ năng thông qua quá trình trải nghiệm thực tiễn trong môi trường doanh nghiệp.

- C: Thực danh: Người học khẳng định bản thân, hình ảnh nhân cách và đạo đức nghề nghiệp, góp phần nâng cao thương hiệu của Nhà trường.
- D: Thực nghiệp: Nhà trường tạo điều kiện tốt nhất cho sinh viên phát triển nghề nghiệp và thăng tiến.

23.2. Mối liên hệ giữa Triết lý giáo dục với chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành Du lịch bậc thạc sĩ	Triết lý giáo dục của Trường			
	A	B	C	D
Kiến thức đại cương/Khoa học cơ bản	x	x	x	
Kiến thức cơ sở và cốt lõi ngành	x	x	x	x
Thực tập		x	x	x
Đề án	x	x	x	x

23.3. Triết lý giáo dục của khoa, của chương trình

Triết lý giáo dục của Trường: Thực học – Thực hành – Thực danh – Thực nghiệp

Triết lý giáo dục của Khoa:

24. Cách tiếp cận dạy và học

Giảng viên chuẩn bị chiến lược và phương pháp dạy học phù hợp theo từng nội dung, từng học phần và từng đối tượng người học. Giảng viên có thể lựa chọn, kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học.

Các chiến lược và phương pháp giảng dạy - học tập

❖ Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Phương pháp thuyết trình: Đây là phương pháp giáo viên sử dụng ngôn ngữ và phi ngôn ngữ để truyền đạt cho người học hệ thống thông tin về nội dung học tập. Người học tiếp nhận hệ thống thông tin đó từ người dạy và xử lý chúng tùy theo tính chủ thể người học và yêu cầu của người dạy học. Mục đích chính của phương pháp thuyết trình trong dạy học là truyền thụ cho người học một nội dung mang tính khách thể. Trên cơ sở đó, tùy theo cách thức thuyết trình mà người ta phân phương pháp này thành ba loại:

- Giảng giải: là phương pháp thuyết trình mà trong đó giáo viên dùng lời và các

phương tiện để giải thích làm sáng tỏ một vấn đề nào đó, tạo ra sự liên kết giữa vấn đề đó với kinh nghiệm hiện có của người học qua đó giúp người học lĩnh hội được nó.

- Giảng thuật: là kể lại, thuật lại, mô tả lại những hiện tượng, thí nghiệm hoặc trình bày lịch sử quá trình phát triển một đối tượng nào đó.

- Diễn giảng: là giáo viên thuyết trình kết hợp bằng phần trình bày một vấn đề hoàn chỉnh, có tính phức tạp trừu tượng và khái quát trong một thời gian tương đối dài. Khi diễn giảng giáo viên có thể các phương pháp dạy học khác như giảng thuật, đàm thoại, sử dụng tài liệu... nhằm rút ra kết luận vững chắc có tính thuyết phục cao.

Phương pháp dạy thực hành: Đây là phương pháp dạy học dựa vào sự quan sát giáo viên làm mẫu và thực hành tự lực của người học dưới sự hướng dẫn của giáo viên thể hiện bằng lời nói, câu hỏi hay bài tập thực hành, nhằm giúp cho người học rèn luyện kỹ năng thực hành. Phương pháp dạy thực hành được phân loại theo nội dung và hình thức.

- Phân loại theo nội dung, có 4 phương pháp thực hành cơ bản sau:

- + Thực hành nhận biết: là xác định mẫu vật, đòi hỏi người học phải có khả năng quan sát cao. Người dạy hướng dẫn người học quan sát bằng giác quan và kết hợp các phương tiện dạy học khác, các biện pháp so sánh, đối chiếu và hướng dẫn người học có kỹ năng thói quen quát sát.

- + Thực hành khảo sát: là người học phải phân tích các dữ kiện để có đủ cơ sở nắm vững nội dung.

- + Thực hành kiểm nghiệm: là sau khi người học nắm được về mặt lý thuyết sẽ tiến hành thực hành để kiểm nghiệm lý thuyết đó.

- + Thực hành theo quy trình sản xuất: là phương pháp thực hành nhằm rèn luyện cho người học kỹ năng, kỹ xảo như: thực hiện một sản phẩm, thiết kế, sử dụng dụng cụ (đo kiểm tra, vận hành...), sửa chữa, tháo ráp.

- Phân loại theo hình thức (các bước thực hành):

- + Thực hành 3 bước

- + Thực hành 4 bước

- + Thực hành 6 bước

Giải thích cụ thể (Explicit Teaching): Đây là phương pháp thuộc chiến lược dạy học trực tiếp trong đó giáo viên hướng dẫn và giải thích chi tiết cụ thể các nội dung liên quan đến bài học, giúp cho sinh viên đạt được mục tiêu dạy học về kiến thức và kỹ năng.

Tham luận (Guest lecture): Theo phương pháp này, sinh viên được tham gia vào các khóa

học mà người diễn giảng, thuyết trình không phải là giáo viên mà là những người đến từ các doanh nghiệp bên ngoài. Thông qua những kinh nghiệm và hiểu biết của diễn giảng để giúp sinh viên hình thành kiến thức tổng quan hay cụ thể về chuyên ngành đào tạo.

❖ Chiến lược dạy học gián tiếp

Dạy học gián tiếp là chiến lược dạy học trong đó người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giáo viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến với sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm: Câu hỏi gợi mở (Inquiry), giải quyết vấn đề (Problem Solving), học theo tình huống (Case Study).

Câu hỏi gợi mở (Inquiry): Trong tiến trình dạy học, giáo viên sử dụng các câu hỏi gợi mở hay các vấn đề, và hướng dẫn giúp sinh viên từng bước trả lời câu hỏi. Sinh viên có thể tham gia thảo luận theo nhóm để cùng nhau giải quyết bài toán, vấn đề đặt ra.

Giải quyết vấn đề (Problem Solving): Trong tiến trình dạy và học, người học làm việc với vấn đề được đặt ra và học được những kiến thức mới thông qua việc đối mặt với vấn đề cần giải quyết. Thông qua quá trình tìm giải pháp cho vấn đề đặt ra, sinh viên đạt được kiến thức và kỹ năng theo yêu cầu của môn học.

Học theo tình huống (Case Study): Đây là phương pháp hướng đến cách tiếp cận dạy học lấy người học làm trung tâm, giúp người học hình thành kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp. Theo phương pháp này, giáo viên liên hệ các tình huống, vấn đề hay thách thức trong thực tế và yêu cầu sinh viên giải quyết, giúp sinh viên hình thành kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng ra quyết định cũng như kỹ năng nghiên cứu

❖ Chiến lược dạy học trải nghiệm

Học trải nghiệm là chiến lược dạy học trong đó người học tiếp nhận được kiến thức và kỹ năng thông qua những gì mà họ được trải nghiệm qua thực hành, thực tế quan sát và cảm nhận. Họ học thông qua làm và trải nghiệm.

Các phương pháp dạy học theo chiến lược dạy học này gồm: mô hình (Models), thực tập, thực tế (Field Trip), thí nghiệm (Experiment) và nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team)

Mô hình (Models): là phương pháp dạy học trong đó, sinh viên thông qua việc quan sát và quá trình xây dựng, thiết kế mô hình mà giáo viên yêu cầu để đạt được nội dung kiến thức và kỹ năng được đặt ra.

Thực tập, thực tế (Field Trip): Thông qua các hoạt động tham quan, thực tập, đi thực tế tại công trường và các công ty để giúp sinh viên hiểu được môi trường làm việc thực tế của ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp, học hỏi các công nghệ đang được áp dụng trong lĩnh vực ngành đào tạo, hình thành kỹ năng nghề nghiệp và văn hóa làm việc trong công ty. Phương pháp này không những giúp sinh viên hình thành kiến thức kỹ năng mà còn tạo cơ hội nghề nghiệp cho sinh viên sau khi tốt nghiệp.

Nhóm nghiên cứu giảng dạy (Teaching Research Team): Sinh viên được khuyến khích tham gia vào các dự án, nhóm nghiên cứu và giảng dạy của giảng viên, giúp hình thành năng lực nghiên cứu và kỹ năng sáng tạo. Từ đó, tạo tiền đề cho sinh viên tiếp tục học tập cao hơn ở bậc học thạc sĩ, tiến sĩ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo và tốt nghiệp.

❖ Chiến lược dạy học tương tác

Đây là chiến lược dạy và học trong đó, giáo viên sử dụng kết hợp nhiều hoạt động trong lớp học như đặt vấn đề hay câu hỏi gợi mở và yêu cầu sinh viên thảo luận, tranh luận để giải quyết vấn đề đó. Giáo viên với vai trò hướng dẫn sinh viên từng bước giải quyết vấn đề. Từ đó giúp sinh viên đạt được mục tiêu dạy học. Sinh viên có thể học từ bạn học hay từ giáo viên để phát triển các kỹ năng xã hội, kỹ năng tư duy phản biện, giao tiếp, đàm phán để đưa ra quyết định.

Các kỹ thuật, phương pháp theo chiến lược này gồm có: phương pháp tranh luận (Debate), thảo luận (Discussions), học nhóm (Peer Learning).

Tranh luận (Debates): là tiến trình dạy học trong đó giáo viên đưa ra một vấn đề liên quan đến nội dung bài học, sinh viên với các quan điểm trái ngược nhau về vấn đề đó phải phân tích, lý giải, thuyết phục người nghe ủng hộ quan điểm của mình. Thông qua hoạt động dạy học này, sinh viên hình thành các kỹ năng như tư duy phản biện, thương lượng và đưa ra quyết định hay kỹ năng nói trước đám đông.

Thảo luận (Discussion): Là phương pháp dạy học trong đó sinh viên được chia thành các nhóm và tham gia thảo luận về những quan điểm cho một vấn đề nào đó được giáo viên đặt ra. Khác với phương pháp tranh luận, trong phương pháp thảo luận, người học với cùng quan điểm mục tiêu chung và tìm cách bổ sung để hoàn thiện quan điểm,

giải pháp của mình.

Học nhóm (Pear Learning): Sinh viên được tổ chức thành các nhóm nhỏ để cùng nhau giải quyết các vấn đề được đặt ra và trình bày kết quả của nhóm thông qua báo cáo hay thuyết trình trước các nhóm khác và giảng viên.

❖ Chiến lược tự học

Chiến lược tự học được hiểu là tất cả các hoạt động học của người học được thực hiện bởi các cá nhân người học với rất ít hoặc không có sự hướng dẫn của giáo viên. Đây là một quá trình giúp sinh viên tự định hướng việc học của mình theo kinh nghiệm học tập của bản thân, có quyền tự chủ và điều khiển hoạt động học của họ thông qua các bài tập, dự án hay vấn đề mà giáo viên gợi ý, hướng dẫn ở lớp.

Phương pháp học theo chiến lược này chủ yếu là phương pháp bài tập ở nhà (Work Assignment).

Bài tập ở nhà (Work Assignment): Theo phương pháp này, sinh viên được giao nhiệm vụ làm việc ở nhà với những nội dung và yêu cầu do giáo viên đặt ra. Thông qua việc hoàn thành các nhiệm vụ được giao ở nhà này, sinh viên học được cách tự học, cũng như đạt được những nội dung về kiến thức cũng như kỹ năng theo yêu cầu.

25. Đánh giá học viên

Đánh giá đầu vào

Theo thông tư 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ. Người dự tuyển sinh đào tạo Thạc sĩ Du lịch phải có các điều kiện sau đây:

Về văn bằng

Những đối tượng tuyển sinh gồm có: Ngành đúng, còn ngành phù hợp và ngành gần phải bổ túc kiến thức là một số môn học trong chương trình đào tạo đại học của Trường Đại học Nguyễn Tất Thành. Tên môn học cụ thể tương ứng với những khối kiến thức này do Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa xác định và đề xuất.

Về thâm niên công tác

Những người có bằng tốt nghiệp đại học ngành phù hợp, không thuộc diện phải học bổ sung kiến thức thì được dự thi ngay.

Những người có Bằng tốt nghiệp đại học ngành gần và ngành khác thì phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi.

Các điều kiện khác

- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận;
- Có đủ sức khoẻ để học tập;
- Nộp hồ sơ đầy đủ, đúng thời hạn theo quy định của cơ sở đào tạo.

Đánh giá quá trình

- Nhằm cung cấp thông tin phản hồi cho người học về mức độ nắm vững kiến thức của họ, đồng thời giúp người dạy thiết kế phương pháp phù hợp với môn học

- Thông qua các phương pháp đánh giá giúp giảng viên đánh giá chính xác được kiến thức, kỹ năng, thái độ của sinh viên, từ đó giảng viên có thể phân loại được sinh viên

- Sử dụng các phương pháp đánh giá cũng là cơ hội giúp giảng viên đánh giá được sự tiến bộ của sinh viên trong quá trình học, nhằm khắc phục những mặt hạn chế, phát huy những ưu điểm của sinh viên

- Các phương pháp đánh giá là cơ sở giúp giảng viên xác định được thành tích của sinh viên có đạt yêu cầu để hoàn thành môn học đó hay không.

❖ Các phương pháp đánh giá quá trình/ tiến trình:

Mục đích của đánh giá tiến trình là nhằm cung cấp kịp thời các thông tin phản hồi của người dạy và người học về những tiến bộ cũng như những điểm cần khắc phục xuất hiện trong quá trình dạy học:

- Đánh giá chuyên cần (Attendance Check);
- Đánh giá bài tập (Work Assignment);
- Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation);

❖ Đánh giá tổng kết/ định kỳ (Summative Assessment).

Mục đích của loại đánh giá này là đưa ra những kết luận, phân hạng về mức độ đạt được mục tiêu và chất lượng đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm ấn định trong quá trình dạy học gồm đánh giá cuối chương trình học, đánh giá giữa học kỳ, và đánh giá cuối học kỳ.

- Kiểm tra viết (Written Exam),
- Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam);
- Bảo vệ và thi vấn đáp (Oral Exam), Báo cáo (Written Report);
- Thuyết trình (Oral Presentation);
- Đánh giá làm việc nhóm (Teamwork Assesment);

- Đánh giá đồng cấp (Peer Assessment).

❖ Công cụ đánh giá

STT	Mã	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá
I		Đánh giá quá trình	
1	AM1	Đánh giá chuyên cần	1. Rubric đánh giá chuyên cần.
2	AM2	Đánh giá bài tập	2. Rubric đánh giá
3	AM3	Đánh giá thảo luận nhóm	3. Rubric đánh giá thảo luận nhóm.
4	AM4	Đánh giá thuyết trình	4a. Rubric đánh giá thuyết trình cá nhân 4b. Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm.
5	AM5	Đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm	5. Rubric đánh giá cá nhân trong làm việc nhóm
	AM6	Đánh giá báo cáo chuyên đề Semina (bài làm theo nhóm)	6. Rubric đánh giá báo cáo chuyên đề Semina (bài làm theo nhóm).
	AM8	Đánh giá đi thực tế (Field Trip)	8. Rubric đánh giá đi thực tế (Field Trip).
II		Đánh giá tổng kết, định kỳ	
6	AM6	Đánh giá báo cáo chuyên đề Semina (bài làm theo nhóm)	6. Rubric đánh giá báo cáo chuyên đề Semina (bài làm theo nhóm).
	AM4	Đánh giá thuyết trình	4a. Rubric đánh giá thuyết trình cá nhân 4b. Rubric đánh giá thuyết trình theo nhóm.
7	AM7	Đánh giá bài tập thực hành	7. Rubric đánh giá bài tập thực hành.
8	AM8	Đánh giá đi thực tế (Field Trip)	8. Rubric đánh giá đi thực tế (Field Trip).
9	AM9	Đánh giá thực tập nghề nghiệp	9a. Rubric đánh giá thực tập nghề nghiệp dành cho GVHD tại cơ sở 9b. Rubric đánh giá Báo cáo thực tập nghề

			nghiệp
10	AM10	Đánh giá Project	10. Rubric đánh giá Project
11	AM11	Kiểm tra tự luận	Ngân hàng câu hỏi ôn tập; đề thi; đáp án.
12	AM12	Kiểm tra trắc nghiệm	Đáp án.
13	AM13	Thi vấn đáp	Rubric đánh giá vấn đáp.
14	AM14	Báo cáo tiểu luận	Rubric đánh giá tiểu luận.
15	AM15	Báo cáo khóa luận	Rubric đánh giá khóa luận.
16	AM16	Khác	

Đánh giá đầu ra

Kết thúc khoá học, những học viên có đủ các điều kiện sau thuộc diện xét tốt nghiệp và được công nhận tốt nghiệp:

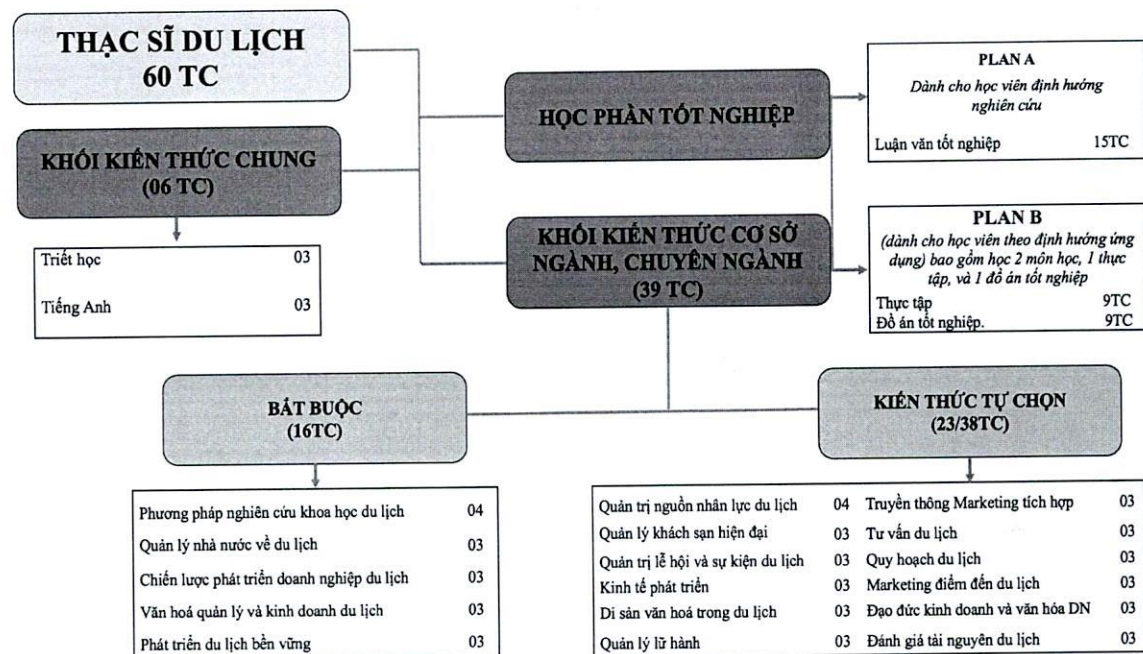
Điểm luận văn đạt từ 5,5 trở lên;

Đã nộp luận văn được hội đồng đánh giá đạt yêu cầu trở lên, có xác nhận của người hướng dẫn và chủ tịch hội đồng về việc luận văn đã được chỉnh sửa theo kết luận của hội đồng, đóng kèm bản sao kết luận của hội đồng đánh giá luận văn và nhận xét của các phản biện cho cơ sở đào tạo để sử dụng làm tài liệu tham khảo tại thư viện và lưu trữ theo quy định.

Đã công bố công khai toàn văn luận văn trên website cơ sở đào tạo theo quy định.

Hoàn thành lệ phí tốt nghiệp theo quy định.

26. Tóm tắt về cấu trúc và nội dung chương trình



27. Sự đóng góp của các môn học cho PLOs

(Ma trận mức độ đóng góp của môn học cho PLO theo thang IPM)

TT	Mã môn học	Tên môn học	Kiến thức tổng quát	Kiến thức chuyên môn			Kỹ năng chuyên môn		Kỹ năng tổng quát		Thái độ	
				PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10
1.	073318	Triết học	I						I		I	
2.	075561	Tiếng Anh	I							I		I
3.	075562	Phương pháp NCKH du lịch				I		I	I			I
4.	075563	Quản lý nhà nước về du lịch		I	I				I		I	
5.	075564	Chiến lược phát triển DNDL	I				I		I		I	
6.	075565	Văn hoá quản lý và KDCL		P			P			P		P
7.	075566	Phát triển du lịch bền vững	P			P			P		P	
8.	075567	Quản trị nguồn nhân lực du lịch			P					P	P	
9.	075576	Quy hoạch du lịch		M	M		M		M		M	
10.	075573	Đánh giá tài nguyên du lịch			M			M	M			M
11.	075577	Tư vấn du lịch			M		M			M	M	
12.	075568	Kinh tế phát triển	P		P				P			P
13.	075580	Quản lý rủi ro trong ngành du lịch	P				P	P				P

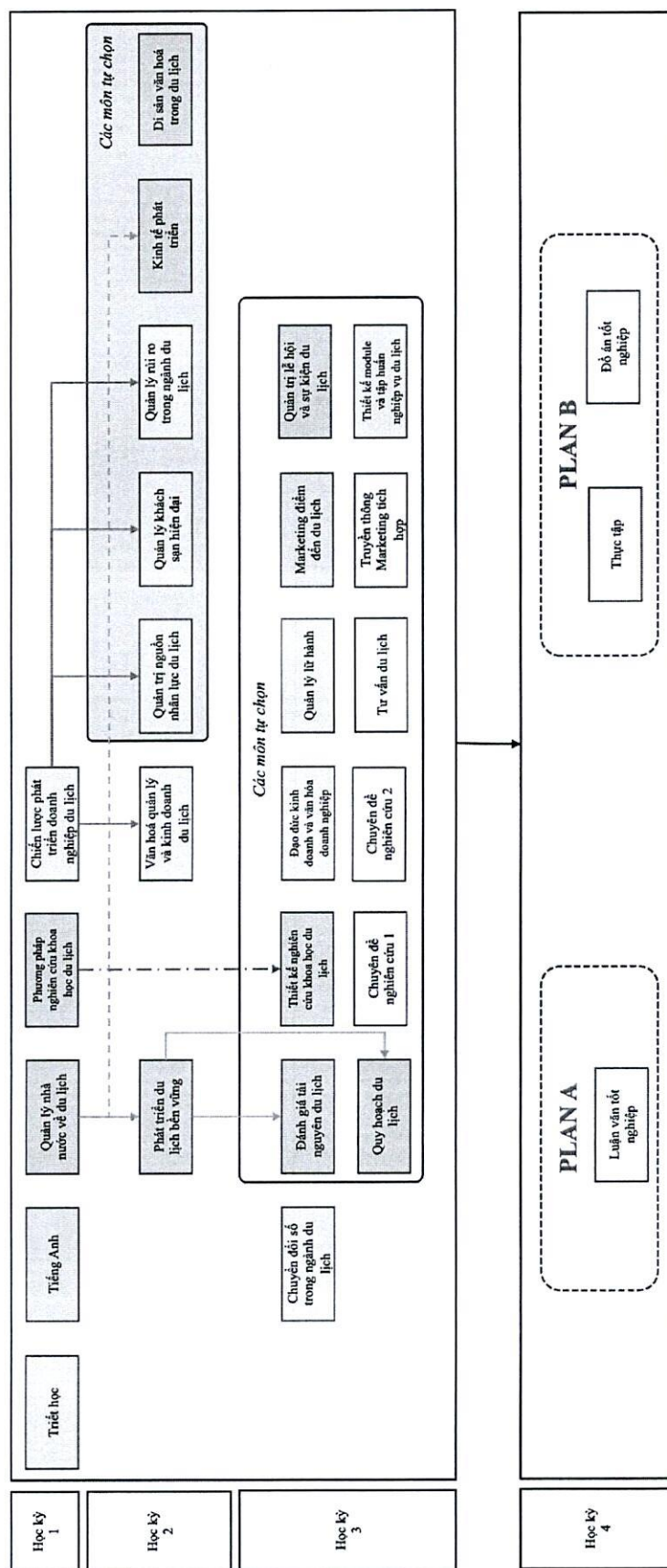
28. Chương trình phân bổ theo học kỳ

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				L T	T H	Tự học		
HỌC KỲ 1			16					
Kiến thức bắt buộc			16					
1	073318	Triết học	3	45	0	105	LT	TL
2	075561	Tiếng Anh	3	30	30	90	LT-TH	TL
3	075562	Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch	4	30	60	110	LT-TH	TL
4	075563	Quản lý nhà nước về du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
5	075564	Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
HỌC KỲ 2			16					
Kiến thức bắt buộc			6					
1	075565	Văn hoá quản lý và kinh doanh du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
2	075566	Phát triển du lịch bền vững	3	30	30	90	LT-TH	TL
Kiến thức tự chọn			10					
1	075567	Quản trị nguồn nhân lực du lịch	4	45	30	125	LT-TH	TL
2	075576	Quy hoạch du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
3	075573	Đánh giá tài nguyên du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
4	075577	Tư vấn du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				L T	T H	Tự học		
5	075568	Kinh tế phát triển	3	30	30	90	LT-TH	TL
6	075580	Quản lý rủi ro trong ngành du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
7	075581	Thiết kế nghiên cứu khoa học du lịch	2	15	30	55	LT-TH	TL
8	075582	Chuyên đề nghiên cứu 1	4	0	120	80	TH	BC
HỌC KỲ 3 <i>Định hướng Nghiên cứu 13 tín chỉ</i> <i>Định hướng Ứng dụng 10 tín chỉ</i>			10-13					
Kiến thức bắt buộc				4				
1	075583	Chuyển đổi số trong ngành du lịch	4	45	30	125	LT-TH	TL
Kiến thức tự chọn			6-9					
1	075570	Quản lý khách sạn hiện đại	3	30	30	90	LT-TH	TL
2	075572	Di sản văn hoá trong du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
3	075571	Quản trị lễ hội và sự kiện du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
4	075569	Quản lý lữ hành	4	45	30	125	LT-TH	TL
5	075574	Marketing điểm đến du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
6	075575	Truyền thông Marketing tích hợp	3	30	30	90	LT-TH	TL

TT	MÃ SỐ	TÊN HỌC PHẦN	Tín chỉ	Số tiết			Phương pháp giảng dạy	Phương pháp kiểm tra đánh giá
				L T	T H	Tự học		
7	075584	Thiết kế module và tập huấn nghiệp vụ du lịch	3	30	30	90	LT-TH	TL
8	075578	Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp	3	30	30	90	LT-TH	TL
9	075585	Chuyên đề nghiên cứu 2	5	0	150	100	LT-TH	BC
HỌC KỲ 4 (Chọn theo định hướng)								
1	075579	Luận văn thạc sĩ (dành cho định hướng nghiên cứu)	15	0	450	300	TH	LV
2	075586	Thực tập	9	0	270	180	TH	BC
3	075587	Đồ án tốt nghiệp	9	0	270	180	TH	ĐA

29. Lộ trình học tập



30. Cơ chế theo dõi và đánh giá quá trình đạt PLOs của học viên

Đảm bảo quy trình thiết kế môn học để đạt chuẩn đầu ra của môn học tương thích với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Đảm bảo chất lượng trong lượng giá học tập qua:

1. Đánh giá chính thức: bài kiểm tra, bài tập về nhà, bài tập trắc nghiệm, thuyết trình, đánh giá hoạt động trong lớp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài thu hoạch, chuyên cần.
2. Đánh giá không chính thức: phát biểu trong giờ học, tinh thần học tập, thái độ tiếp thu trong học tập.
3. Phản hồi: từ các khảo sát người học, nhà tuyển dụng lao động, các đánh giá viên bên ngoài, đánh giá của các cơ quan/tổ chức chuyên môn
4. Đảm bảo sự kết nối giữa đánh giá kết quả học tập người học với phương pháp dạy - học.

IV. ĐIỀU KIỆN CỦA CHƯƠNG TRÌNH

30. Môi trường học tập của nhà trường và khoa

31.1. Danh sách các trại thực nghiệm, và phòng lab mà chương trình sử dụng, các doanh nghiệp trong trường có liên quan đến chương trình:

- Hệ thống phòng thực hành của Khoa tại cơ sở quận 7
- Hệ thống phòng thực hành của Khoa tại cơ sở quận 12

31.1.2. Danh sách các hoạt động thực tập với doanh nghiệp Du lịch của chương trình:

- Danh sách các doanh nghiệp của Trường
- Danh sách các doanh nghiệp của Khoa

31. Hệ thống hỗ trợ học viên

- Đào tạo:
- Hỗ trợ về tài chính và học bổng:
- Giới thiệu cơ hội thăng tiến và khởi nghiệp:
- Tư vấn học thuật:
- Chăm sóc sức khỏe và đời sống:
- Các dịch vụ thư viện:
- Các dịch vụ hỗ trợ cho học viên quốc tế:
- Các dịch vụ đảm bảo chất lượng bên trong:

V. ĐIỀU CHỈNH VÀ CẬP NHẬT

32. Ngày ban hành bản mô tả chương trình: 2022

33. Ngày cập nhật cuối cùng: 2022


HIỆU TRƯỞNG

TS. Trần Ái Cẩm

TRƯỞNG KHOA

TS. Nguyễn Phúc Hiền

Phụ lục I. Mô tả tóm tắt của các môn học

Triết học: 3 tín chỉ (3,0)

Học phần trang bị Khái luận về triết học; Bản thể luận; Phép biện chứng; Nhận thức luận; Học thuyết hình thái kinh tế - Xã hội; Triết học chính trị; Ý Thức xã hội; Triết học về con người.

Học phần giảng dạy tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội, nhân văn; Nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.

Học phần giúp hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.

Học phần giúp hình thành tính chủ động tích cực tham gia vào thảo luận, có tư duy sáng tạo và khả năng nghiên cứu độc lập.

Anh văn: 3 tín chỉ (3,0)

Học phần nhằm giúp cho học viên biết, hiểu và ứng dụng được các thuật ngữ tiếng Anh thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau trong ngành du lịch cùng với những cấu trúc ngữ pháp phức tạp để sử dụng giao tiếp với khách nước ngoài trong những tình huống thuộc các lĩnh vực của ngành du lịch. Học phần cũng rèn luyện các kỹ năng nghề nghiệp để thực hiện nhiệm vụ của một người quản lý, một nhân viên du lịch, một nhân viên hàng không, một hướng dẫn viên, một người tổ chức, điều hành tour v.v... Đồng thời, học phần cũng nhằm chuẩn bị cho những người sắp bước vào nghề du lịch một ý thức đúng về du lịch và trách nhiệm để phát triển du lịch bền vững.

Phương pháp nghiên cứu khoa học du lịch: 4 tín chỉ (2,2)

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về môn phương pháp nghiên cứu khoa học, biết phân biệt phương pháp định lượng hay định tính; hiểu được vai trò, chức năng, bản chất và các bước tiến hành của hoạt động nghiên cứu du lịch, từ đó hướng dẫn học viên tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu cơ bản như thu thập và phân tích tài liệu, điều tra xã hội học và các phương pháp toán học khác. Qua môn học này giúp người học nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học: chuẩn bị trước khi nghiên cứu (chọn đề tài, đối tượng, địa bàn, thời gian); Giai đoạn thu thập thông tin: chọn mẫu và vận dụng những công cụ đo lường, xây dựng thang đo, thiết kế bảng hỏi, và sử dụng phương pháp

thu thập thông tin: quan sát, phỏng vấn, nghiên cứu tài liệu và giai đoạn xử lý thông tin, phân tích và trình bày kết quả nghiên cứu.

Học phần giảng dạy các kiến thức cơ bản về hoạt động, các phương pháp cơ bản trong hoạt động nghiên cứu du lịch trên cơ sở hiểu được vai trò, chức năng, bản chất và các bước tiến hành của hoạt động nghiên cứu du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng, vận dụng tư duy phản biện, kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo một cách hiệu quả trong quản lý và nghiên cứu khoa học du lịch.

Học phần giúp hình thành đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phát triển doanh nghiệp.

Quản lý nhà nước về du lịch: 3 tín chỉ (3,0)

Học phần trang bị cho người học hệ thống hoá một cách khái quát những khái niệm và vấn đề lý luận liên quan đến quản lý nhà nước về ngành và lãnh thổ, nhấn mạnh quản lý nhà nước về kinh tế và về văn hoá (là hai lĩnh vực liên quan trực tiếp đến quản lý nhà nước về du lịch); giới thiệu cho người học những khái niệm liên quan về quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch; đặc điểm quản lý nhà nước về du lịch; nội dung của quản lý nhà nước về du lịch; bộ máy và phân cấp quản lý nhà nước về du lịch; những yêu cầu, nguyên tắc trong quản lý nhà nước về du lịch; và đổi mới quản lý nhà nước về du lịch trong giai đoạn tới. Qua môn học này giúp người học có kỹ năng tư vấn hoặc trực tiếp triển khai những nhiệm vụ cơ bản của công tác quản lý nhà nước về du lịch ở cấp trung ương hoặc ở cấp địa phương tại Việt Nam.

Học phần giảng dạy các kiến thức Quản lý nhà nước về du lịch, nội dung khái quát những khái niệm và vấn đề lý luận liên quan đến quản lý nhà nước về ngành và lãnh thổ, nhấn mạnh quản lý nhà nước về du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng kỹ năng quản lý nhà nước và triển khai các hoạt động kinh doanh du lịch, lữ hành, khách sạn tại các điểm đến du lịch.

Học phần giúp hình thành đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phát triển, quản lý nhà nước về du lịch.

Chiến lược phát triển doanh nghiệp du lịch (3,0)

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh du lịch; những vấn đề pháp lý về các doanh nghiệp du lịch trong cơ chế thị trường hiện nay và trong việc thành lập doanh nghiệp du lịch; những vấn đề căn bản về xây dựng và quản trị

chiến lược phát triển của một doanh nghiệp du lịch. Qua môn học này giúp người học có kỹ năng xây dựng và quản trị chiến lược kinh doanh của một doanh nghiệp du lịch trong thời kỳ hội nhập.

Học phần giảng dạy các kiến thức cơ bản về hoạt động kinh doanh du lịch; những vấn đề pháp lý về các doanh nghiệp du lịch trong cơ chế thị trường hiện nay và trong việc thành lập doanh nghiệp du lịch; những vấn đề căn bản về xây dựng và quản trị chiến lược phát triển của một doanh nghiệp du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng quản lý và triển khai các hoạt động kinh doanh du lịch, xử lý hành, quản lý rủi ro, đáp ứng cho việc quản trị, phát triển doanh nghiệp du lịch.

Học phần giúp hình thành Giữ gìn đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phát triển doanh nghiệp.

Văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch (3,0)

Học phần trang bị cho người học kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực văn hoá truyền thống và hiện đại, vai trò của các lĩnh vực văn hoá đó đối với việc hình thành nên văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch. Những nội dung văn hoá trong các lĩnh vực quản lý và kinh doanh du lịch. Khả năng nhận biết và đánh giá được chất lượng văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch. Qua môn học này giúp người học có kỹ năng vận dụng các kiến thức về văn hoá để tạo ra văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch; Kỹ năng đánh giá chất lượng văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch; kỹ năng xây dựng được môi trường văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch.

Học phần giảng dạy những kiến thức chuyên sâu về các lĩnh vực văn hoá truyền thống và hiện đại, vai trò của các lĩnh vực văn hoá đó đối với việc hình thành nên văn hoá trong quản lý và kinh doanh du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng xây dựng các kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy sáng tạo một cách hiệu quả trong quản lý và kinh doanh du lịch.

Học phần giúp hình thành giữ gìn đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động kinh doanh, phát triển doanh nghiệp. Thể hiện tinh thần cầu thị và thói quen học tập suốt đời, luôn hướng đến sự đổi mới và sáng tạo trong công việc.

Phát triển du lịch bền vững (3,0)

Trang bị cho học viên khối kiến thức cơ bản về du lịch bền vững (bền vững về xã hội, về kinh tế và về môi trường), và một số loại hình đặc biệt của nó là hoạt động du lịch sinh thái, Zentourim, xử lý hành du khảo. Cung cấp khái niệm và phương pháp tính sức chứa

du lịch, phương pháp gia tăng tính hấp dẫn của điểm du lịch, các phương pháp định tính và định lượng trong đánh giá hoạt động DL và quản trị DL theo hướng bền vững; tái điều chỉnh theo hướng bền vững các loại hình DL giàu tiềm năng ở Việt Nam.

Học phần giảng dạy các kiến thức cơ bản về Du lịch bền vững (DLBV): Cơ sở lý luận và 3 nội dung của DLBV (bền vững về kinh tế, về xã hội và về môi trường); Phân tích, vận dụng được các nội dung và cách thức tiến hành một số loại hình DLBV đặc thù như du lịch sinh thái, Zentourism, lữ hành du khảo; vai trò và yêu cầu của lập quy hoạch DLBV cấp Quốc gia, cấp vùng và cấp địa phương.

Học phần rèn luyện các kỹ năng áp dụng các phương pháp quan trắc, đánh giá bằng chỉ số định lượng hoặc lượng hóa DLBV, phương pháp giám sát và đánh giá quy hoạch DLBV, các phương pháp nâng cao tính hấp dẫn du lịch, các phương pháp đánh giá hiện trạng du lịch trên quan điểm bền vững. Học phần góp phần hình thành nên kiến thức, phẩm chất, đạo đức của người làm du lịch.

Quản trị nguồn nhân lực du lịch (3,1)

Học phần trang bị các kiến thức cơ bản về quản trị nhân lực du lịch, bao gồm kiến thức về nhân lực, vai trò, đặc điểm, khái niệm về quản trị nhân lực du lịch. Các nội dung cơ bản về quản trị nhân lực: phân tích công việc, hoạch định và bố trí nhân lực; phương pháp xây dựng định mức, tổ chức lao động, tuyển dụng và đào tạo. Phương pháp đánh giá và đãi ngộ lao động, xây dựng các mối quan hệ lao động trong doanh nghiệp du lịch.

Học phần giảng dạy các kiến thức cơ bản về đặc điểm, vai trò nguồn nhân lực và quản trị nhân lực. Phân tích, vận dụng được các nội dung của quản trị nhân lực du lịch như: phân tích công việc, hoạch định, tuyển dụng nhân lực; tổ chức lao động định mức; đào tạo phát triển, đánh giá và đãi ngộ nhân lực. Vận dụng được các tiêu chí đánh giá, đãi ngộ nhân lực nhằm tổng hợp, đánh giá các mối quan hệ lao động trong một tổ chức nói chung và trong doanh nghiệp du lịch nói riêng.

Học phần rèn luyện kỹ năng áp dụng các phương pháp hoạch định nhu cầu nhân lực; phương pháp xây dựng định mức lao động; đánh giá quy trình tuyển dụng, sắp xếp bố trí lao động trong doanh nghiệp; phương pháp đánh giá, đào tạo, phát triển và đãi ngộ nhân lực trong công tác quản trị nhân lực tại các doanh nghiệp du lịch.

Học phần hình thành tính chủ động, khả năng giao tiếp, tổ chức làm việc nhóm khoa học và sáng tạo; có trách nhiệm trong công việc được giao; Linh hoạt trong sắp xếp và xử lý công việc, tăng hiệu quả sử dụng lao động cho doanh nghiệp.

Quản lý khách sạn hiện đại (3,0)

Học phần trang bị người học sơ lược về lịch sử của ngành khách sạn và nhà hàng, những mô hình, loại hình kinh doanh KS-NH trên thế giới, những nguyên tắc cơ bản trong quản lý khách sạn và nhà hàng, các vấn đề xây dựng và tổ chức thiết kế giá, thực đơn trong kinh doanh khách sạn và nhà hàng, các kỹ năng lãnh đạo và các kỹ năng đàm phán giao tiếp cũng như việc quản lý vấn đề an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn vận hành trong KS-NH. Sau phần lý thuyết học viên sẽ đi tham quan tìm hiểu thực tế để bổ sung cho công tác nghiên cứu.

Học phần giảng dạy những kiến thức cơ bản để nghiên cứu và hoạch định chiến lược, chính sách và quản lý ngành khách sạn và nhà hàng trong đời sống xã hội nói chung và trong ngành du lịch nói riêng.

Học phần rèn luyện cho học viên những kỹ năng cơ bản về phương pháp quản lý, kỹ thuật marketing khách sạn, kỹ năng lãnh đạo, đàm phán và giao tiếp phục vụ trong lĩnh vực khách sạn-nhà hàng... Học phần góp phần hình thành nên kiến thức, phẩm chất, đạo đức của người làm du lịch.

Kinh tế phát triển (3,0)

Học phần trang bị các nguồn lực và các chính sách huy động nguồn lực cho tăng trưởng kinh tế tại các nước đang phát triển và nghiên cứu tác động của các ngành kinh tế đối với quá trình tăng trưởng kinh tế. Như vậy, học phần sẽ cung cấp cho người học, các nhà kinh tế tương lai, các nhà hoạch định chính sách tương lai những kiến thức sâu hơn về các công cụ chính sách và giải pháp để thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế tại các nước đang phát triển.

Học phần giảng dạy công cụ lý thuyết của kinh tế học, nhất là kinh tế học tân cổ điển và kinh tế học hiện đại để tìm hiểu, lý giải, phân tích các vấn đề thực tiễn đã và đang diễn ra. Học phần này cũng có mối liên hệ mật thiết với các môn học kinh tế ngành khác như: kinh tế quốc tế, kinh tế công cộng, kinh tế môi trường, kinh tế nguồn nhân lực, tài chính công. Chính sách huy động các nguồn lực cho quá trình phát triển kinh tế; phân tích, so sánh, đánh giá được các chính sách; có khả năng lựa chọn và kết hợp được các chính sách hiệu quả. Người học kể ra được các vấn đề tăng trưởng và phát triển, phân tích được vấn đề và giải quyết được vấn đề đơn giản về lĩnh vực phát triển kinh tế. Người học thể hiện được các ngành trong nền kinh tế quốc dân, biết xây dựng và kết hợp giữa các chính sách nhằm thúc đẩy tăng trưởng và phát triển của các ngành. Người học có thể vận

dụng lý thuyết vào giải quyết một số vấn đề thực tế trong phát triển kinh tế tại Việt Nam hay địa phương.

Học phần rèn luyện kỹ năng lựa chọn, viết lại và sắp xếp các thông tin về các vấn đề tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển kỹ năng phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn kinh tế - xã hội tại Việt Nam. Người học được hoàn thiện kỹ năng phát hiện vấn đề, dự đoán chiều hướng phát triển và đề xuất được các giải pháp khả thi.

Học phần hình thành động cơ học tập và nghiên cứu các vấn đề về tăng trưởng và phát triển kinh tế cho người học. Xây dựng và phát triển tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cho người học, giúp người học chủ động với công việc. Tạo cho người học nhận thức được về vị trí và khả năng của đất nước, cũng như khơi dậy truyền thống yêu nước, từ đó giúp người học tạo dựng và phát triển ý trí làm giàu cho bản thân và cho xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

Di sản văn hóa trong du lịch (3,0)

Học phần trang bị cho người học các vấn đề lý luận về di sản văn hóa, các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể ở Việt Nam, di sản văn hóa và quy hoạch du lịch, quy trình xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa, việc khai thác và quản lý, bảo tồn các di sản văn hóa của thế giới và Việt Nam trong kinh doanh du lịch.

Học phần giảng dạy những kiến thức chuyên sâu về di sản văn hoá như các vấn đề về lý luận, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể của thế giới và ở Việt Nam, việc khai thác các di sản văn hóa trong kinh doanh du lịch. Nâng cao ý thức trách nhiệm của học viên trong việc bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa của dân tộc.

Học phần rèn luyện kỹ năng vận dụng các kiến thức đã học vào việc xây dựng sản phẩm du lịch, thiết kế các chương trình du lịch văn hoá, áp dụng trong thực hiện các công tác tổ chức, quản lý và khai thác các sản phẩm du lịch văn hoá.

Học phần giúp hình thành đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động khai thác, bảo tồn di sản văn hóa trong hoạt động du lịch. Thể hiện tinh thần cầu thị và thói quen học tập suốt đời, luôn hướng đến sự đổi mới và sáng tạo trong công việc.

Quản trị lễ hội và sự kiện trong du lịch (3,0)

Học phần trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản các loại hình lễ hội truyền thống và sự kiện du lịch diễn ra thường kỳ ở nước ta, từ đó hiểu được và có thể ứng dụng việc tổ chức lễ hội và sự kiện góp phần vào việc xây dựng thương hiệu du lịch, dùng văn hóa xây dựng thành sản phẩm du lịch đặc thù cho các địa phương. Phát triển hiệu quả tài

nguyên văn hóa trong chiến lược du lịch tại các địa phương. Học phần cũng nhằm cung cấp cho người học hiểu biết về cơ sở lý thuyết và thực tiễn trong công tác quản trị lễ hội và sự kiện du lịch.

Học phần giảng dạy nội dung và vai trò của lễ hội và sự kiện trong khai thác và phát triển du lịch. Trình bày được khái niệm cơ bản, phân loại và nội dung của lễ hội và sự kiện du lịch. Nắm được quy trình cơ bản của quản trị lễ hội và sự kiện du lịch. Phân biệt được với những quy trình quản trị sự kiện khác.

Học phần giúp rèn luyện các kỹ năng điều hành, thực hiện các công việc quản trị lễ hội và sự kiện trong doanh nghiệp lữ hành; thông qua: Kỹ năng phân tích môi trường kịch bản kinh doanh; Kỹ năng xây dựng chiến lược và kế hoạch tổ chức kinh doanh; Kỹ năng phối hợp hoạt động nhóm và ra quyết định trong dàn dựng chương trình một doanh nghiệp lữ hành; Kỹ năng phân tích, đánh giá và tổng kết kinh nghiệm tổ chức chương trình kiến nghị những thay đổi kế hoạch kinh doanh của công ty.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Quản lý lữ hành (3,0)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về kinh doanh lữ hành và các vấn đề quản lý vĩ mô trong hoạt động kinh doanh lữ hành; các vấn đề trọng tâm trong việc khởi sự doanh nghiệp lữ hành. Đồng thời học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kinh doanh lữ hành trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế cũng như các mô hình kinh doanh lữ hành tiên tiến trên thế giới.

Học phần giảng dạy các nội dung của quản lý nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành; khả năng phân tích bối cảnh và triển khai việc tổ chức đưa doanh nghiệp lữ hành vào hoạt động; Hiểu rõ và có khả năng phân tích các tác động của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế đến hoạt động kinh doanh lữ hành, các xu hướng thị trường trong hoạt động kinh doanh lữ hành; hiểu và phân tích được cách thức tổ chức hoạt động của một số hãng lữ hành lớn trên thế giới cũng như có khả năng vận dụng vào thực tiễn kinh doanh lữ hành tại Việt Nam.

Học phần rèn luyện các kỹ năng điều hành, thực hiện các công việc quản trị kinh doanh trong doanh nghiệp lữ hành; Kỹ năng phân tích môi trường kinh doanh; Kỹ năng xây dựng chiến lược và kế hoạch kinh doanh; Kỹ năng phối hợp hoạt động nhóm và ra quyết

định trong một doanh nghiệp lữ hành; Kỹ năng phân tích, đánh giá và kiến nghị những thay đổi kế hoạch kinh doanh của công ty.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Đánh giá tài nguyên du lịch (3,0)

Học phần trang bị những cơ sở lý luận về tài nguyên du lịch như: Khái niệm, đặc điểm, phân loại, vai trò của tài nguyên du lịch. Chương hai trình bày cơ sở lý luận về đánh giá tài nguyên du lịch: khái niệm, các kiểu đánh giá, tình hình nghiên cứu, đánh giá tài nguyên du lịch trên thế giới và Việt Nam. Chương ba giới thiệu các nội dung, các tiêu chí cần thiết khi tiến hành đánh giá các loại tài nguyên khác nhau cho các loại hoạt động du lịch.

Hai chương cuối trình bày cụ thể một số phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch như phương pháp đánh giá định tính và phương pháp đánh giá định lượng: Các nguyên tắc cơ bản, qui trình, nội dung tiến hành các bước nghiên cứu, đánh giá. Nắm được những cơ sở đó, người học có thể tiến hành các công trình nghiên cứu, đánh giá tài nguyên du lịch trên một địa bàn cụ thể.

Học phần giảng dạy kiến thức về khái niệm, thuộc tính và phân loại tài nguyên du lịch. Giải thích khái niệm, chức năng và quy trình của phương pháp đánh giá tài nguyên du lịch. Giải thích mục đích và quy trình phương pháp đánh giá định tính và phương pháp đánh giá định lượng.

Học phần rèn luyện các kỹ năng xác định các chỉ tiêu và tiêu chí của đối tượng đánh giá. Phân tích và nhận diện được các thuộc tính của tài nguyên du lịch, mối quan hệ tương quan giữa tài nguyên du lịch với tình hình khai thác sử dụng và với nhu cầu du lịch. Thiết lập các mô hình và sử dụng phần mềm SPSS để lượng hóa các chỉ tiêu đánh giá và giá trị của tài nguyên du lịch. Hình thành được phương pháp làm việc nhóm và kỹ năng giao tiếp với các cá nhân, tổ chức trong quá trình điều tra thực tiễn.

Học phần hình thành ý thức tôn trọng tính khách quan, tính chính xác trong việc điều tra, thu thập thông tin và xây dựng cơ sở dữ liệu. Nhận thức được vai trò của tài nguyên du lịch đối với phát triển du lịch và có trách nhiệm trong việc khai thác sử dụng, bảo vệ tài nguyên du lịch.

Truyền thông Marketing tích hợp (3,0)

Học phần trang bị cho học viên những kiến thức cơ bản và nâng cao về truyền thông marketing tích hợp như tiếp thị và truyền thông, quá trình truyền thông, quá trình ra quyết định tiêu dùng, truyền thông theo phân khúc và định vị thị trường, thiết lập mục tiêu và ngân sách truyền thông; Các công cụ truyền thông tích hợp như marketing trực tiếp, quan hệ công chúng, khuyến mãi, quảng cáo và đánh giá hiệu quả các công cụ này.

Học phần giảng dạy các kiến thức liên quan môi trường và chiến lược truyền thông Marketing tích hợp, cách thức xây dựng, chuẩn bị tổ chức và ra quyết định; Phân tích được mối quan hệ giữa các nhân tố xã hội, phương thức truyền thông tiếp thị và quá trình ra quyết định của người tiêu dùng; Phân tích được mối quan hệ giữa truyền thông tiếp thị và phân khúc, định vị thị trường để thiết lập các mục tiêu và ngân sách một cách hiệu quả; Sử dụng được các công cụ bán hàng trực tiếp, marketing trực tiếp, chiêu thị, quảng cáo, khuyến mãi một cách hiệu quả.

Học phần rèn luyện học viên có khả năng xây dựng quản lý và đánh giá các nỗ lực triển khai chương trình truyền thông tích hợp và qui trình và sử dụng các công cụ trong các môi trường kinh doanh cụ thể; Có kỹ năng phân tích về môi trường kinh doanh, hành vi khách hàng, trách nhiệm xã hội và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp; Đánh giá được ý tưởng của doanh nghiệp và/hoặc cá nhân; Có khả năng thẩm định, đánh giá hiệu quả, các yếu tố tác động đối với truyền thông tiếp thị tích hợp.

Học phần hình thành tinh thần làm chủ cho học viên gắn liền lý thuyết và thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp. Xây dựng và phát triển tác phong công nghiệp và kỷ luật lao động cho người học, giúp người học chủ động với công việc. Tạo cho người học nhận thức được về vị trí và khả năng của đất nước, cũng như khơi dậy truyền thống yêu nước, từ đó giúp người học tạo dựng và phát triển ý trí làm giàu cho bản thân và cho xã hội, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế đất nước.

Tư vấn du lịch (3,0)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức chung về tư vấn du lịch. Trên cơ sở những kiến thức nền tảng này, học phần cung cấp những kiến thức tư vấn du lịch đối với từng chủ thể của hoạt động du lịch như chính quyền, doanh nghiệp lữ hành, khách sạn, cơ sở đào tạo, nghiên cứu.

Học phần giảng dạy các kiến thức về chức năng và mô hình quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch như những lý thuyết liên quan, đặc điểm của dịch vụ và thương mại dịch vụ du lịch; chức năng quản trị và các mô hình kinh doanh dịch vụ du lịch; Áp dụng các

kiến thức về tư vấn các nguồn lực kinh doanh dịch vụ du lịch; tư vấn về nguồn lao động du lịch; nguồn vốn, và cơ sở vật chất kỹ thuật trong kinh doanh dịch vụ du lịch; Áp dụng kiến thức về tư vấn cầu gồm các đặc điểm về cầu, sự phát triển nhu cầu và hàng chờ; tư vấn quá trình cung ứng, đặc điểm cung ứng, quá trình cung ứng, khả năng, chất lượng dịch vụ, hệ thống phân phối dịch vụ du lịch.

Học phần rèn luyện các kỹ năng quản lý các hoạt động kinh doanh du lịch, thích ứng sự thay đổi của bối cảnh một cách linh hoạt, sáng tạo; kỹ năng quản lý nhóm, tư duy phản biện, sử dụng thành thạo công nghệ thông tin, triển khai một cách hiệu quả, chuyển đổi số trong ngành du lịch.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Quy hoạch du lịch (3,0)

Học phần trang bị cho người học những kiến thức về kinh doanh lữ hành và các vấn đề quản lý vĩ mô trong hoạt động kinh doanh lữ hành; các vấn đề trọng tâm trong việc khởi sự doanh nghiệp lữ hành. Đồng thời học phần cung cấp cho người học những kiến thức về kinh doanh lữ hành trong điều kiện toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế cũng như các mô hình kinh doanh lữ hành tiên tiến trên thế giới.

Học phần giảng dạy các kiến thức về quan niệm về vùng, quy hoạch vùng, nội dung quy hoạch du lịch quốc gia, và vùng và kết quả quy hoạch quốc gia.

Học phần rèn luyện cho học viên kỹ năng về điều hành, quản trị trong doanh nghiệp, kỹ năng phân tích, đánh giá, xây dựng chiến lược và kinh doanh, kỹ năng làm việc nhóm giúp học viên ứng dụng tốt vào môi trường thực tiễn.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Marketing điểm đến du lịch (3,0)

Học phần trang bị cho học viên những khái niệm cơ bản về marketing, điểm đến du lịch và marketing điểm đến du lịch; Phân tích các yếu tố của môi trường vĩ mô và môi trường kinh doanh ảnh hưởng đến năng lực cạnh tranh của điểm đến du lịch, đến hoạt động marketing của điểm đến du lịch; học phần còn đề cập đến những nội dung chính của công tác quản lý điểm đến du lịch, đến hoạt động marketing của một điểm đến du lịch như lựa chọn mục tiêu chiến lược, phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và marketing hỗn hợp cho hoạt động marketing của điểm đến du lịch.

Học phần giảng dạy những khái niệm cơ bản về marketing, điểm đến du lịch và marketing điểm đến du lịch; phân tích các yếu tố của môi trường vĩ mô, môi trường kinh doanh, công tác quản lý du lịch; mục tiêu chiến lược, lựa chọn thị trường mục tiêu, marketing hỗn hợp cho hoạt động du lịch.

Học phần rèn luyện cho học viên kỹ năng về điều hành, quản trị trong doanh nghiệp, kỹ năng phân tích, đánh giá, xây dựng chiến lược marketing điểm đến, phân biệt với các cách thức marketing khác trong ngành du lịch; kỹ năng làm việc nhóm giúp học viên ứng dụng tốt vào môi trường thực tiễn.

Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, tuân thủ pháp luật và đạo đức nghề nghiệp.

Đạo đức kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp du lịch (3,0)

Học phần trang bị cho học viên kiến thức nâng cao một cách hệ thống về bản chất và vai trò của đạo đức và văn hóa kinh doanh trong các doanh nghiệp hoạt động trong môi trường kinh doanh năng động. Học phần không chỉ đề cập tới những văn hóa và đạo đức kinh doanh mà còn được phân tích trong mối liên hệ với các hoạt động và các vấn đề quan trọng khác trong quản trị doanh nghiệp.

Học phần giảng dạy kiến thức cơ bản về đạo đức kinh doanh và văn hoá kinh doanh. Các nhân tố văn hoá, đạo đức trong hoạt động kinh tế, kinh doanh.

Học phần rèn luyện cho học viên kỹ năng phân tích và xử lý tình huống trong hoạt động kinh doanh. Áp dụng được đạo đức kinh doanh trong doanh nghiệp, trong nền kinh tế thị trường. Học phần hình thành nên phẩm chất của người làm du lịch, giảng dạy, nghiên cứu, có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực tham gia vào bài học, có tư duy sáng tạo.

Quản trị rủi ro trong ngành Du lịch 3 (2,1,0)

Học phần trang bị cho học viên kiến thức rủi ro bất trắc có thể đo lường được và những rủi ro là sự bất trắc có liên quan đến việc xuất hiện những biết cố không mong đợi; Học phần cung cấp cho người học những biến động tiềm ẩn của rủi ro, dự đoán kết quả rủi ro, sự hiện diện của rủi ro gây nên bất định cũng như nguy cơ dẫn đến rủi ro phát sinh bất cứ lúc nào trong hoạt động du lịch.

Thiết kế nghiên cứu khoa học Du lịch (2,1,1,0)

Học phần trang bị cho người học một cấu trúc tổng quan cụ thể để thực hiện và hoàn thành một dự án/nghiên cứu khoa học. Giúp người học thiết kế một bản kế hoạch chi tiết

của các phương pháp nghiên cứu đã chọn. Giúp người học cụ thể hoá các bước thực hiện dự án nghiên cứu. Giúp người học đảm bảo thu thập thông tin trong quá trình nghiên cứu có thể trả lời được các câu hỏi hoặc vấn đề đặt ra ban đầu. Người học biết thiết kế nghiên cứu bao gồm những phương pháp, thu thập và phân phối mẫu, thu thập và phân tích dữ liệu, các thủ tục và công cụ được sử dụng.

Chuyên đề nghiên cứu 1 4 (0,4,0)

Học phần này dành cho người học chọn định hướng nghiên cứu. Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức thiết kế nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận để thực hiện một báo cáo nghiên cứu. Người học được hướng dẫn chọn một đề tài nghiên cứu cụ thể để lên một thiết kế nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận một vấn đề nghiên cứu. Người học trình bày và công bố được một đề án nghiên cứu cụ thể.

Chuyển đổi số trong ngành Du lịch 4 (3,1,0)

Học phần cung cấp Chuyển đổi số là một quá trình lâu dài và là một xu thế, đóng vai trò quan trọng trong các vấn đề phát triển bền vững, đồng thời giúp cải thiện năng suất lao động, cũng như tăng cường khả năng kết nối trong cuộc cách mạng 4.0. Vì vậy, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm phát triển hệ sinh thái du lịch thông minh, chủ động đáp ứng nhu cầu đặc thù, chuyên biệt của thị trường khách du lịch, hỗ trợ doanh nghiệp du lịch kết nối hiệu quả với các chủ thể liên quan, tạo môi trường cho cộng đồng, các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo phù hợp với xu hướng của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, đáp ứng yêu cầu về đổi mới phương thức, nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và nâng cao năng lực cạnh tranh của du lịch Việt Nam. Học phần cung cấp người học hiểu về chuyển đổi số trong ngành Du lịch là gì. Vai trò của chuyển đổi số trong du lịch. Thực trạng và các xu hướng phát triển của chuyển đổi du lịch số trong ngành Du lịch.

Thiết kế module và tập huấn nghiệp vụ du lịch 3 (2,1,0)

Học phần cung cấp cho người học khi một module được xây dựng, các đầu vào và đầu ra được kết nối. Người học được thiết kế nội dung, kịch bản sư phạm, lập trình thẩm định module. Rèn luyện năng lực thiết kế module phục vụ cho tập huấn nghiệp vụ du lịch. Học viên được hướng dẫn thiết kế một khoá học hiệu quả; Triển khai và quản lý tập huấn nghiệp vụ du lịch xuống địa phương; Kinh nghiệm và bài học...

Chuyên đề nghiên cứu 2 4 (0,5,0)

Học phần này dành cho người học chọn định hướng nghiên cứu. Học phần này giúp người học áp dụng kiến thức thiết kế nghiên cứu khoa học, phương pháp nghiên cứu, cách tiếp cận để thực hiện một báo cáo nghiên cứu. Người học được hướng dẫn chọn một đề tài nghiên cứu cụ thể để lên một thiết kế nghiên cứu khoa học, áp dụng phương pháp nghiên cứu và cách tiếp cận một vấn đề nghiên cứu. Người học trình bày và công bố được một đề án nghiên cứu cụ thể.

Luận văn thạc sĩ 15 (0,15,0)

Luận văn của hướng nghiên cứu (15 tín chỉ) là một công trình nghiên cứu hàn lâm (academic research) nhằm giải quyết một vấn đề nghiên cứu, một “khoảng trống nghiên cứu” (research gap), không nhất thiết là một vấn đề thực tiễn nóng hổi nào đó. Luận văn hướng nghiên cứu giúp người học biết sử dụng các phương pháp nghiên cứu hàn lâm chuẩn tắc như phương pháp định tính (qualitative methods), phương pháp định lượng (quantitative methods) hoặc kết hợp 2 phương pháp trên. Dữ liệu có thể là thứ cấp, cũng có thể là sơ cấp hình thành từ khảo sát điều tra.

Thực tập 9 (0,9,0)

Học phần Thực tập giúp người học có thêm kinh nghiệm và sự kết nối rộng lớn hơn. Học viên có thể đi thăm điển hình kinh doanh hay điển hình quản trị doanh nghiệp, điển hình quản lý địa phương, sau đó sử dụng phương pháp phân tích tình huống để thu hoạch hay báo cáo cuối môn học.

Đồ án tốt nghiệp 9 (0,9,0)

Học viên cần vận dụng các phương pháp nghiên cứu đã học trong chương trình để giải quyết vấn đề. Các phương pháp thường sử dụng là các phương pháp nghiên cứu thị trường (market research), nghiên cứu tình huống điển hình (case study), giải quyết vấn đề kinh doanh (problem solving), các công cụ thống kê mô tả (descriptive statistics). Các phương pháp nghiên cứu hàn lâm của hướng nghiên cứu kể trên có thể được sử dụng nhưng không phải là một bắt buộc. Dữ liệu chủ yếu là thứ cấp lấy từ công ty, tổ chức, địa phương... để thực hiện một nghiên cứu để giải quyết một vấn đề thực tiễn. Thường là những vấn đề đang phát sinh trong thực tiễn, đang là thực tiễn “nóng hổi” mà học viên phát hiện trong doanh nghiệp, tổ chức của mình, trên địa bàn địa phương của mình hoặc trên thị trường trong nước và quốc tế.

Phụ lục II: Bản mô tả môn học của các môn học trong chương trình

Học viên xem tài khoản cá nhân trên trang web: phongdaotao.ntt.edu.vn